

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Máy bổ sung đồ vải phục vụ người bệnh của Bệnh viện đa khoa Nam Định
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Nam Định
- Tên gói thầu: Máy bổ sung đồ vải phục vụ người bệnh của Bệnh viện đa khoa Nam Định
- Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn thu viện phí, bảo hiểm y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bệnh viện
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Nam Định - Địa chỉ: Khu đô thị Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình

1.2.. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Hàng hóa thuộc gói thầu phải mới 100%, sản xuất năm 2026 trở lại đây.
- Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất (đối với trang phục, quần áo) phải tuân thủ mẫu mã, hình thức tại Thông tư số: 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế.
- Thông số kỹ thuật: Hàng hóa cung cấp phải đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật, phù hợp như mô tả tại bảng yêu cầu về kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương. Yêu cầu có bảng so sánh chứng minh thông số kỹ thuật (chi tiết) của tất cả các hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.
- Nhà thầu lưu ý:
 - + Trong mọi trường hợp, nếu E-HSĐT của nhà thầu cung cấp thông tin, tài liệu làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, không trung thực thì E-HSĐT của nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đồng thời là căn cứ để Bên mời thầu đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong đơn vị.
 - + Nhà thầu có thể chào thầu hàng hóa có thông số đúng hoặc tương đương hoặc mới hơn yêu cầu (tương đương được hiểu theo đáp ứng toàn bộ các thông số được nêu ra trong một hàng hóa của E-HSMT, công nghệ mới hơn được hiểu là công nghệ ra sau và có những thông số tốt hơn so với các thông số được yêu cầu của một hạng mục hàng hóa trong E-HSMT). Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu và kèm theo tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue để chứng minh (không bắt buộc đối với các vật tư, phụ kiện).
 - + Khi lập danh sách, hàng hóa trong Hồ sơ dự thầu, đề nghị các nhà thầu

lập theo thứ tự danh mục hàng hóa trong Hồ sơ mời thầu.

+ Tên hãng sản xuất, xuất xứ, model, ký mã hiệu của hàng hóa (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

TT	Nội dung	Mô tả hàng hóa. Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Ga giường thường KT: 90x190cm	- Chất liệu: Vải lon - Màu sắc: Màu trắng - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: (115 ± 2) (g/m²); + Mật độ: Dọc (548 ± 2), ngang (289 ± 2) (sợi/10cm); + Độ bền màu giặt C(3); 60°C: 4-5 (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $(-1,0 \pm 0,1)$, ngang $(-0,5 \pm 0,1)$ (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu: (65 ± 1) % Polyeste, (35 ± 1) % Cotton; - Quy cách may: Màu trắng, hai đầu ga may quây vuông góc đệm (cao 5cm quây quanh đệm, độ dài hai đầu 20 cm, dọc ga là 15 cm). Cách góc 10cm có in Logo Bệnh viện - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhàu.	1400
2	Ga giường HSTC KT: 3m x 1.45m	- Chất liệu: Vải lon - Màu sắc: Màu trắng - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: (115 ± 2) (g/m²); + Mật độ: Dọc (548 ± 2), ngang (289 ± 2) (sợi/10cm); + Độ bền màu giặt C(3); 60°C: 4-5 (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $(-1,0 \pm 0,1)$, ngang $(-0,5 \pm 0,1)$ (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu: (65 ± 1) % Polyeste, (35 ± 1) % Cotton; - Quy cách may : May gấp mép xung quanh, cách góc 10cm có in Logo Bệnh viện ĐK Nam Định. - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhàu.	1100
3	Áo kẻ xanh (Dài áo 75cm, Vng 120cm, Dài tay 52cm)	- Chất liệu: Kate - Màu sắc: kẻ sọc xanh lam/ trắng. - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 100 ± 2 (g/m²); + Mật độ: Dọc 422 ± 2, ngang 276 ± 2	2200

		(sợi/10cm) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C : 4-5(cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc -0,5 ±0,1, ngang -0,5±0,1 (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%):(64±1) % Polyeste (36±1) % Cotton; - Quy cách may : Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Túi ngực có in logo BV. Túi áo ngực có viền màu quy định size áo Dài áo 75cm, Vng 120cm, Dài tay 52cm - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhàu.	
4	Quần kẻ (Dài quần 95cm, Vòng bụng 110cm, ống quần 24cm)	- Chất liệu: Kate - Màu sắc: kẻ sọc xanh lam/ trắng. Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 100 ±2 (g/m2); + Mật độ: Dọc 422 ±2, ngang 276±2 (sợi/10cm) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C : 4-5(cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc -0,5 ±0,1, ngang -0,5±0,1 (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%):(64±1) % Polyeste (36±1) % Cotton; - Quy cách may : Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có túi sau. Mép gấu có viền màu phân biệt size. Dài quần 95cm, Vòng bụng 110cm, ống quần 24cm - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhàu.	2200
5	Áo người nhà người bệnh	- Chất liệu: kate - Màu sắc: màu vàng nhạt - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 142±2 (g/m2); + Mật độ: Dọc 384±2, ngang 230±2 (sợi/10cm); + Độ bền xé rách : Dọc 54±2, ngang 21±2 (N) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5. (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc -0,5±0,1, ngang -0,5 ±0,1 (%); + Định tính và định lượng nguyên liệu: (90±1) % Polyeste (10±1) % Cotton; - Quy cách may: Áo cổ tròn, cài cúc giữa, dài áo 95cm, Vòng ngực 120cm, dài tay 50cm, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. Túi ngực có in logo BV - Mặt vải mịn, dày khít, dễ thấm nước, ít nhàu.	600

6	Săng mỗ 1.45x1.8m	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 276 ± 2 (g/m²); + Mật độ: Dọc 448 ± 2, ngang 194 ± 2 (sợi/10cm); + Độ bền xé rách : Dọc 15 ± 2, ngang 19 ± 2 (N); + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp); + Định tính và định lượng nguyên liệu 100% Cotton; + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C Dọc $-4,5 \pm 0,1$, ngang $-2,5 \pm 0,1$ (%) ; + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h. Quy cách may: May gấp mép xung quanh. Góc đánh dấu vải đỏ	500
7	Săng mỗ có lỗ 1x1.2m (d=14cm)	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 225 ± 2 (g/m²); + Mật độ : Dọc 480 ± 2 , ngang 224 ± 2 (sợi/10cm) ; + Độ bền xé rách Dọc 71 ± 2, ngang 15 ± 2 (N) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%) ; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : (65 ± 1) % Polyeste (35 ± 1) % Cotton; Quy cách may: May gấp mép xung quanh. Góc đánh dấu vải đỏ	100
8	Săng mỗ không lỗ 1x1.2m	Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 225 ± 2 (g/m²) + Mật độ : Dọc 480 ± 2 , ngang 224 ± 2 (sợi/10cm) ; + Độ bền xé rách Dọc 71 ± 2, ngang 15 ± 2 (N) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp) + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%) ; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : (65 ± 1) % Polyeste (35 ± 1) % Cotton; Quy cách may: May gấp mép xung quanh. Góc đánh dấu vải đỏ	250
9	Săng trải bàn mỗ 1.45x2.5m	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải:	350

		+ Khối lượng vải: 225 ± 2 (g/m²); + Mật độ : Dọc 480 ± 2 , ngang 224 ± 2 (sợi/10cm) ; + Độ bền xé rách Dọc 71 ± 2, ngang 15 ± 2 (N) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp); + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%) ; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : (65 ± 1) % Polyeste (35 ± 1) % Cotton; Quy cách may: May gấp mép xung quanh. Góc đánh dấu vải đỏ	
10	Áo choàng vô khuẩn trong kíp mổ (Da 130, Vng 160)	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Màu xanh - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 225 ± 2 (g/m²); + Mật độ : Dọc 480 ± 2 , ngang 224 ± 2 (sợi/10cm) ; + Độ bền xé rách Dọc 71 ± 2, ngang 15 ± 2 (N) ; + Độ bền màu giặt A1; 40°C: 4-5 (cấp) + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C: Dọc $-0,5 \pm 0,1$, ngang $-0,5 \pm 0,1$ (%) ; + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : (65 ± 1) % Polyeste (35 ± 1) % Cotton; Quy cách may: May theo quy định. Dây buộc khâu trang 40 cm, khâu trang rộng 20 cm. Đánh dấu size bằng mảnh vải nhỏ màu quy định ở gấu áo.	450
11	Chăn (KT 145cm x 200cm)	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc : trắng - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 214 ± 2 (g/m²); + Mật độ : Dọc 430 ± 2, ngang 227 ± 2 (sợi/10cm) ; + Độ bền màu mồ hôi, axit: 4-5 (cấp); + Độ bền màu mồ hôi, kiềm: 4-5 (cấp); + Độ thoáng khí tại 125Pa: $6,9 \pm 0,5$ (Cm³/s/cm²); + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ: $3,5 \pm 0,5$ (cấp); + Độ bền kéo đứt: Dọc 1410 ± 2, ngang 659 ± 2 (N); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%) : (65 ± 1) % Polyeste (35 ± 1) % Cotton; + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h.	200

		+ Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo(mg/kg): K.p.h Quy cách may: May xung quanh cửa chắn có đính cúc	
12	Vỏ gói (KT 45 x 65 cm)	- Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : trắng - Tiêu chuẩn vải: + Khối lượng vải: 214 ± 2 (g/m ²); + Mật độ : Dọc 430 ± 2 , ngang 227 ± 2 (sợi/10cm); + Độ bền màu mồ hôi, axit: 4-5 (cấp); + Độ bền màu mồ hôi, kiềm: 4-5 (cấp); + Độ thoáng khí tại 125Pa: $6,9 \pm 0,5$ (Cm ³ /s/cm ²); + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ: $3,5 \pm 0,5$ (cấp); + Độ bền kéo đứt: Dọc 1410 ± 2 , ngang 659 ± 2 (N); + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): (65 ± 1) % Polyeste (35 ± 1) % Cotton; + Hàm lượng formaldehyt (mg/kg): K.p.h; + Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo(mg/kg): K.p.h. Quy cách may: May xung quanh cửa gói 2 mép giao nhau 10 cm	200

Ghi chú:

- Nhà thầu cung cấp hàng hóa đúng khối lượng và chủng loại quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên, tên và mã hiệu (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo. Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu và kèm Catalog hàng hóa để chứng minh.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, tính năng sử dụng, chất lượng là tương đương với các hàng hóa nêu trên.

1.3. Yêu cầu về cung cấp hàng mẫu và vải mẫu:

*. Yêu cầu về hàng mẫu

- Nhà thầu cung cấp hàng mẫu sản phẩm may theo đúng nội dung đáp ứng của từng mặt hàng đã đề xuất trong E-HSDT để làm cơ sở đánh giá kỹ thuật của E-HSDT.

- Số lượng hàng mẫu: 03 hàng mẫu/hàng hoá tương ứng trong danh mục hàng hoá thuộc gói thầu. Trong đó 01 bộ (mỗi chủng loại) sẽ được giặt là công nghiệp tối thiểu 10 lần, để đánh giá chất lượng, màu sắc vải, chất lượng may và

chất lượng in ấn, 01 bộ (mỗi chủng loại) sẽ được sử dụng để tiếp tục đi giặt là đối chứng trong trường hợp nhà thầu có ý kiến thắc mắc về kết quả giặt là và nhà thầu phải chịu hoàn toàn về chi phí giặt là đối chứng; 01 bộ (mỗi chủng loại) còn lại sẽ được lưu lại để sử dụng đối chiếu, nghiệm thu sản phẩm bàn giao khi thực hiện hợp đồng.

Lưu ý: Hàng mẫu sẽ phải qua xử lý giặt, hấp, sấy để kiểm tra chất lượng sản phẩm và lưu lại để đối chiếu nghiệm thu khi thực hiện hợp đồng, do vậy hàng mẫu sẽ không được hoàn trả lại

- Thời hạn nộp hàng mẫu: Nhà thầu phải nộp hàng mẫu đến Bên mời thầu trong vòng tối đa 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu.

- Địa chỉ nộp hàng mẫu: Bệnh viện Đa khoa Nam Định, Khu đô thị Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình. Nơi nhận : Phòng Văn thư.

- Tiêu chuẩn đánh giá hàng mẫu được nêu chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Số lượng hàng mẫu cung cấp	03 sản phẩm
2	Quy cách may	Theo yêu cầu chi tiết từng mục hàng hoá tại mục 1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết
3	Kết quả sau khi đưa vào sử dụng, giặt là công nghiệp tối thiểu 10 lần	Màu sắc vải: Không bị phai màu, bạc màu nhiều sau khi sử dụng và giặt là công nghiệp. Chất liệu vải: Không bị sờn, rách, xù bông, thô cứng. Đường chỉ may: Thẳng đều, không bị tuột đường chỉ và đường vắt xỏ. Kiểu dáng: Giữ được phom dáng, không bị co, giãn quá 2% kích thước theo chiều dài/ rộng

***. Yêu cầu về vải mẫu**

- Nhà thầu nộp 01 mẫu vải đối với từng loại vải tương ứng sử dụng để cung cấp hàng hoá thuộc gói thầu (đối với các mục cùng chất liệu, tiêu chuẩn vải thì chỉ yêu cầu cung cấp 01 mẫu vải). Kích thước vải mẫu: tối thiểu 2m hết khổ, có xác định chiều ngang – dọc và mặt trái – phải rõ ràng.

- Khi cần thiết, mẫu vải sẽ được mang đi kiểm nghiệm tại các Trung tâm thí nghiệm thuộc phân viện dệt may tại Việt Nam hoặc cơ quan có chức năng tương đương. Tiêu chuẩn đánh giá mẫu vải theo quy định chi tiết của thông số tiêu chuẩn vải tại mục 1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết nêu trên.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

* Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Địa điểm: Tại địa điểm bàn giao hàng hóa
- Kiểm tra, thử nghiệm sẽ được tiến hành khi hàng đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của E-HSMT.
- Chủ đầu tư sẽ trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của nhà thầu:
 - + Tỷ lệ kiểm tra: Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5% đến 10% số lượng sản phẩm trong lô hàng kiểm tra.
 - + Kiểm tra ngoại quan: Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại Yêu cầu về ngoại quan.
 - + Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật: Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cốc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại “Yêu cầu về kỹ thuật”.
- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.